

Textile Exchange (TE) Lập bản đồ các danh mục sản phẩm và chi tiết sản phẩm

STT	DANH MỤC SẢN PHẨM	CHI TIẾT SẢN PHẨM	HƯỚNG DẪN
1	Trang phục nam	• Áo khoác ngoài • Áo khoác • Áo vest • Bộ vest • Quần tây • Quần dài • Quần dài • Áo len • Áo chui đầu • Áo len cardigan • Áo sơ mi • Áo kiểu • Đồ lót • Đồ ngủ • Áo choàng • Áo phong • Áo ba lỗ • Đồ thể thao • Đồ thể thao • Vớ • Quần áo lao động • Đồng phục	Nếu trang phục là “Quần áo lao động, đồng phục”, hãy chọn chi tiết này thay vì loại trang phục cụ thể (ví dụ: “Quần dài, quần tây”).
2	Trang phục nữ	• Áo khoác ngoài • Áo khoác • Áo vest • Bộ vest • Quần tây • Quần dài • Quần dài • Váy • Váy • Áo len • Áo chui đầu	Nếu trang phục là “Quần áo lao động, đồng phục”, hãy chọn chi tiết này thay vì loại trang phục cụ thể (ví dụ: “Quần dài, quần tây”).

- Áo len cardigan
- Áo sơ mi
- Áo kiểu
- Đồ lót
- Đồ ngủ
- Áo choàng
- Áo ngực
- Dây đeo quần
- Dây đeo tất
- Áo phong
- Áo ba lỗ
- Đồ thể thao
- Đồ thể thao
- Vớ
- Quần áo lao động
- Đồng phục

3	Quần áo trẻ em Quần áo unisex Quần áo denim nam Quần áo denim nữ Quần áo denim trẻ em Quần áo denim unisex	Xem mục “Quần áo nam” hoặc “Quần áo nữ”. Hướng dẫn:
---	---	--

4	Hàng dệt gia dụng	• Bộ đồ giường • Ga trải giường • Khăn trải bàn • Khăn ăn • Khăn tắm • khăn trải bàn bếp • Khăn tắm • Vải tiếp xúc với thực phẩm • Chăn • Ga trải giường • Chăn bông • Rèm cửa • Rèm cửa • Bọc ghế • Thảm • Thảm • Vật liệu trải sàn • Gối • Đệm Hướng dẫn:
---	--------------------------	--

5	Phụ kiện mang theo	• Túi• Túi xách• Túi xách• Túi• Hành lý• Vali	Hướng dẫn:
6	Phụ kiện đã qua sử dụng	• Găng tay• Găng tay• Bao tay• Cà vạt• Nơ đeo cổ• Cà vạt• Khăn quàng cổ• Khăn choàng• Mạng che mặt• Khăn tay• Mũ• Mũ• Khăn trùm đầu	Hướng dẫn:
7	Chăm sóc cá nhân, Vệ sinh	• Sản phẩm bôi ngoài da• Sản phẩm xâm lấn	Hướng dẫn:
8	Thuộc về y học	• Sản phẩm bôi ngoài da	Hướng dẫn:
9	Bộ đồ giường	• Nệm• Gối• Cái đệm	Hướng dẫn:
10	Giày dép	• Đôi giày	“Giày dép” bao gồm tất cả các loại giày dép, kể cả dép xăng đan, bốt, giày cao gót, v.v.
11	Phụ kiện chức năng	• Nút bấm• Khóa kéo• Nhãn• Thẻ• Các phần cắt tỉa• Lốp lót• Chỉ may	Hướng dẫn:
12	Ngoài trời	• Lều• Cánh buồm• Đồ dùng cắm trại• Bạt phủ• Mái hiên• Nệm• Hành lý• Vali• Túi• Túi xách• Túi xách• Túi• Túi ngủ	Hướng dẫn:
13	Công nghiệp, Kỹ thuật	• Bạt phủ• Mái hiên• Phụ tùng ô tô• Bọc ghế công nghiệp/kỹ thuật• Vật liệu xây dựng	Hướng dẫn:

14	Nhân bánh, phần nhồi	• Lông tơ và lông vũ màu xám* • Lông tơ và lông vũ màu trắng * • Lông tơ và lông vũ của vịt xám• • Lông tơ và lông vũ của ngỗng xám• • Lông tơ và lông vũ của vịt trắng• • Lông tơ và lông vũ của ngỗng trắng• • Lông ngỗng xám và các loại lông vũ pha trộn** • Lông vịt xám và các loại lông vũ pha trộn** • Lông vịt trắng và các loại lông vũ pha trộn** • Lông ngỗng trắng và các loại lông vũ pha trộn* • Chất độn sợi nhân tạo• • Chất độn sợi tự nhiên	“Lông vũ” được ưu tiên hơn “Chất liệu nhồi bằng sợi tự nhiên”.*Thông tin chi tiết sản phẩm này chỉ áp dụng cho vật liệu tái chế (tiêu chuẩn GRS/RCS).** Các chi tiết sản phẩm này chỉ áp dụng khi các nguyên liệu thô khác được pha trộn với lông vũ (như polyester).
15	Sản phẩm giấy	• Bìa cứng• • Hộp• • Nhãn• • Thẻ• • Sản phẩm giấy• • Phong bì• • Thẻ	Hướng dẫn:
16	Hàng hóa cứng	• Nội thất• • Đồ trang trí	Đối với các sản phẩm liên quan đến chăn ga gối đệm, hãy sử dụng danh mục sản phẩm “Chăn ga gối đệm”.
17	Bao bì	• Bìa cứng• • Hộp• • Nhãn• • Thẻ• • Bao đóng gói• • Túi	“Bao bì, túi đóng gói” bao gồm việc sử dụng túi polybag và các vật dụng tương tự khác.
18	Đồ chơi	• Đồ chơi nhồi bông• • Đồ chơi cứng	Hướng dẫn:
19	Vải mộcVải chưa nhuộmVải đã nhuộmVải in	• Vải dệt kim• • Vải dệt• • Vải bông xốp• • Vải denim	“Vải bông xù” hoặc “Vải denim” được ưu tiên hơn “Vải dệt kim” hoặc “Vải dệt thoi”.“Vải nhuộm” đề cập đến sản phẩm vải sau quá trình nhuộm.“Vải mộc” (greige fabrics) là loại vải được sản xuất từ các quy trình dệt kim và dệt thoi.“Vải chưa nhuộm”

			đề cập đến sản phẩm vải sau quá trình xử lý sơ bộ, sẵn sàng cho việc nhuộm (RFD).
20	Vải	• Vải không dệt • Vải đặc biệt • Da thú • Da tổng hợp	“Các loại vải đặc biệt” bao gồm vải nhung, vải lưới, vải ren, vải thảm, vải hẹp, vải thêu, vải chần bông, vải tằm, vải phủ hoặc vải được xử lý không thuộc phạm vi “Vải dệt kim” hoặc “Vải dệt thoi”. Danh mục sản phẩm “Vải” chỉ áp dụng cho “Vải không dệt”, “Vải đặc biệt”, “Da”, “Da tổng hợp” và các loại vải khác không thuộc “Vải mộc”, “Vải nhuộm” và “Vải không nhuộm”.
21	Sợi thô (greige)Sợi chưa nhuộmSợi đã nhuộm	• Sợi hớ đầu • Sợi chải • Sợi chải • Sợi • Sợi len dùng để đan tay • Sợi lõi xoắn • Sợi len đẹp • Chỉ may	“Sợi thô” (greige yarns) là loại sợi thành phẩm của các quy trình kéo sợi. “Sợi chưa nhuộm” là loại sợi thành phẩm sau quá trình xử lý sơ bộ, sẵn sàng cho việc nhuộm (RFD). “Sợi nhuộm” là sản phẩm sợi thu được từ các quy trình nhuộm. Đối với nguyên liệu đầu vào là bông tái chế và đầu ra là sợi viscose hoặc cupro thuộc phạm vi GRS và RCS, người dùng cần phải chỉ định “Sợi viscose” hoặc “Sợi cupro” làm Thuật ngữ Cụ thể của Người dùng cho chi tiết sản phẩm. Đối với các loại sợi pha trộn hoặc sợi thêu được chứng nhận, người dùng cần phải chỉ định “Sợi pha trộn” hoặc “Sợi thêu” làm Thuật ngữ Cụ thể của Người dùng trong phần chi tiết sản phẩm.
22	Áo	Không có chi tiết sản phẩm được cung cấp	Hướng dẫn:

23	Sợi chưa nhuộm	• Bông xơ• Sợi thô• Lựa thô• Sợi chải• Sợi chua• Sợi cơ bản• Sợi hỗn hợp• sản phẩm phụ• Comber noil• xơ bông	“Sợi thô” áp dụng cho tất cả các loại sợi có nguồn gốc thực vật (ví dụ: lanh, gai dầu, đay, dừa, abaca, rami, v.v.). “Sợi đã chải” áp dụng cho len đã chải và lông động vật đã chải. “Sợi ngắn” và “sợi mảnh” áp dụng cho tất cả các loại sợi xenluloza và sợi tổng hợp. “Bụi than chải” và “Lông bông” được ưu tiên hơn “Sản phẩm phụ”. Khi “Sản phẩm phụ” được sử dụng làm chi tiết sản phẩm, người dùng cần phải chỉ định các chi tiết đó dưới dạng Thuật ngữ do người dùng quy định.
24	Sợi nhuộm	• Bông xơ• Sợi thô• Lựa thô• Sợi chải• Sợi chua• Sợi cơ bản• Sợi• Sợi hỗn hợp• sản phẩm phụ• Comber noil	“Sợi thô” áp dụng cho tất cả các loại sợi có nguồn gốc thực vật (ví dụ: lanh, gai dầu, đay, dừa, abaca, ramie, v.v.). “Sợi đã chải” áp dụng cho len đã chải và lông động vật đã chải. “Sợi ngắn” và “sợi mảnh” áp dụng cho tất cả các loại sợi xenluloza và sợi tổng hợp. “Dầu cọ nguyên chất” được ưu tiên hơn “Sản phẩm phụ”. Khi sử dụng “Sản phẩm phụ” làm chi tiết sản phẩm, người dùng cần phải chỉ định các chi tiết đó dưới dạng Thuật ngữ do người dùng tự định nghĩa.
25	Vật liệu đã qua xử lý	• Xuống• Lông vũ• Da thuộc• Khoai tây chiên (viên nén)• Vải• Bột giấy• Bông ngô	“Các loại hạt (dạng mảnh)”, “dạng mảnh vụn” và “dạng bông ngô” là những thuật ngữ áp dụng cho sợi tổng hợp. “Bột giấy” bao gồm bột gỗ, bột bông, bột xơ bông, v.v. Người dùng cần phải chỉ rõ chi tiết dưới dạng Thuật ngữ do người dùng quy định.
26	Vật liệu chưa qua xử lý	• Bông hạt (bông thô)• Len mỡ• Kén tơ tằm• Lông động vật nhòn• Bột giấy• Lông vũ• Da sống• Vải• Bông ngô	“Các loại hạt (dạng mảnh)”, “dạng mảnh vụn” và “dạng bông ngô” là những thuật ngữ áp dụng cho sợi tổng hợp.

Vật liệu tái chế

• Những chai lọ tái chế• Lưới đánh cá tái chế• Vải tái chế• Chất thải đại dương được tái chế• Chất thải quy trình được tái chế

Khi sử dụng “**Chất thải quy trình được tái chế**” làm chi tiết sản phẩm, người dùng cần phải chỉ định các chi tiết đó dưới dạng **Thuật ngữ do người dùng quy định**.